

Nghiên cứu thực trạng của từng khối ngân hàng ở nước ta hiện nay, có thể khái quát một số điểm chủ yếu về ưu thế và những thách thức của quá trình cạnh tranh, hợp tác và hội nhập trong thời gian tới như sau:

- Khối NHITM quốc doanh và ngân hàng chính sách:

- Ưu thế:

+ Có số vốn điều lệ lớn được nhà nước cấp, với tổng số gần 6.000 tỷ đồng, tương ứng với 425 triệu USD; trong đó riêng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn vốn điều lệ tương đương với trên 170 triệu USD, các NHITM quốc doanh khác, tương ứng với 80 triệu USD.

+ Có mạng lưới đông đảo, trải rộng khắp toàn quốc, đến tận các tụ điểm dân cư và địa bàn nông thôn xa xôi hẻo lánh; có số lượng cán bộ đông đảo, thông thạo địa bàn và khách hàng.

+ Có lịch sử và kinh nghiệm hoạt động lâu dài, am hiểu phong tục văn hóa truyền thống từng địa phương, có mối quan hệ tốt với cấp ủy, chính quyền các địa phương.

+ Đang chiếm thị phần lớn nhất: trên 70% thị phần huy động vốn và thị phần cho vay của toàn bộ hệ thống ngân hàng trong cả nước.

- Hạn chế: mặc dù số vốn điều lệ lớn, nhưng số vốn điều lệ của toàn khối chỉ tương ứng với khối chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh; đồng thời thấp rất xa so với số vốn điều lệ của một ngân hàng các nước khác trong khu vực, bình quân của họ tới 2 - 3 tỷ USD, gấp 4 - 7 lần toàn khối ngân hàng thương mại quốc doanh của VN. Mặt khác, một tỷ lệ lớn vốn điều lệ của ngân hàng thương mại quốc doanh VN nằm trong tài sản có không sinh lời.

+ Công nghệ ngân hàng lạc hậu; trình độ quản lý, điều hành, nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ còn thấp xa so với các nước trong khu vực và thế giới. Bộ máy công kênh, hoạt động ngân hàng đơn điệu, văn mang tính chất truyền thống, chủ yếu là huy động vốn và cho vay; các dịch vụ ngân hàng còn nghèo nàn.

+ Nợ quá hạn cao, chất lượng tài sản có thấp, cơ sở vật chất - kỹ thuật lạc hậu, hiệu quả kinh doanh thấp. Địa bàn hoạt động mỗi chi bộ hẹp ở trong nước.

- Khối TCTD cổ phần:

- Ưu thế là mô hình mới theo cơ chế kinh tế thị trường và theo xu thế quốc tế, năng động, linh hoạt trong kinh doanh.

- Hạn chế: qui mô quá nhỏ; bình quân số vốn điều lệ của toàn khối chỉ tương đương 160 triệu USD, chỉ bằng một ngân hàng nhỏ trong khu vực.

- Các ngân hàng đều non trẻ, thiếu kinh nghiệm hoạt động.

- Nội bộ mất đoàn kết, một số NHITMCP thể hiện sự thao túng có tính

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CẠNH TRANH VÀ HỘI NHẬP HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI

TS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG

chất gia đình của một số thành viên trong HĐQT.

- Những thiếu sót sơ hở, bất cập của cơ quan quản lý, của môi trường pháp lý của cơ chế kinh tế thị trường, của mô hình kinh tế tư nhân và tổ chức cổ phần...thể hiện rõ nhất trong sự yếu kém của TCTD cổ phần thời gian qua.

- Các mặt tồn tại khác cũng tương tự như khối NHITM quốc doanh, nhưng ở mức độ lớn hơn, đặc biệt là tỷ lệ nợ đọng rất cao, trình độ quản lý và điều hành thấp.

- Khối NH nước ngoài và NHLD:

- Ưu thế: vốn điều lệ và vốn kinh doanh lớn, nhất là vốn ngoại tệ, công nghệ ngân hàng hiện đại, trình độ cán bộ cao, đối tượng khách hàng là các công ty xuyên quốc gia, kinh doanh toàn cầu...

- Hạn chế: mạng lưới hẹp, trở ngại về ngôn ngữ, thiếu am hiểu phong tục tập quán và văn hóa. Tuy nhiên do ứng dụng công nghệ hiện đại, do sử dụng nhân viên là người sở tại và Việt kiều cho phép khắc phục những điểm này.

- Riêng một số NHLD cũng có những tồn tại như đã phân tích, nhưng chậm khắc phục được.

- Có thể tham khảo thêm năng lực cạnh tranh của NHITM VN với hệ thống ngân hàng của một số nước trong khu vực (xem biểu sau):

Một vài chỉ số về quy mô và hiệu suất hoạt động của hệ thống ngân hàng ở VN so với các nước trong khu vực

Quốc gia	Huy động vốn/GDP		Tín dụng/GDP		Cho vay/huy động vốn	
	Năm 1992	Năm 1998	Năm 1992	Năm 1998	Năm 1992	Năm 1998
Indonesia	68%	91%	74%	128%	1,22	1,06
Hàn Quốc	37%	54%	58%	78%	1,58	1,44
Singapore	83%	105%	61%	85%	0,74	0,89
Thái Lan	68%	91%	74%	128%	1,08	1,40
Trung Quốc	73%	117%	95%	125%	1,30	1,07
Việt Nam	23,0%	34,0%	27,6%	33,0%	1,14	0,98

Nguồn: Vụ chiến lược phát triển NH, NHNN VN

Phân tích tình hình thực tế có thể dự báo một số thách thức của những xu thế cạnh tranh và hợp tác hoạt động ngân hàng ở nước ta trong thời gian tới như sau:

- Cạnh tranh giữa các ngân hàng trong nước:

Đó là sự cạnh tranh giữa các NHITM quốc doanh, giữa các NHITM cổ

phần; cạnh tranh giữa hai khối này; với các khách hàng trong nước. Ưu thế và thế mạnh vẫn thuộc về các NHITM quốc doanh, chỉ có số ít NHITM cổ phần là có thể vươn lên được. Nhìn chung khối NHITMCP nếu không có sự đột biến nào khác, thì thị phần sẽ tiếp tục bị thu hẹp.

- Cạnh tranh giữa các NHITM trong nước và ngân hàng nước ngoài: các chi nhánh NII nước ngoài chiếm ưu thế và tiếp tục tăng thêm thị phần, do các NH này sẽ thâm nhập nhiều hơn vào các tổng công ty lớn của nhà nước, các lĩnh vực kinh tế quan trọng của VN. Đồng thời, chiếm lĩnh gần như trọn vẹn các nhà đầu tư nước ngoài, công ty liên doanh ở VN khi mà tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài được cải thiện và tăng lên trong thời gian tới.

- Cạnh tranh giữa các chi nhánh NII nước ngoài: ưu thế và thị phần gia tăng thuộc về các ngân hàng của Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Singapore và Hồng Kông...các ngân hàng của các nước khác trong khu vực châu Á sẽ bị yếu thế hơn. Xu hướng này do 2 nguyên nhân: năng lực của ngân hàng mẹ, cơ cấu đối tượng khách hàng ở VN, cơ cấu các nhà đầu tư nước ngoài ở VN và cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu của VN...

- Cạnh tranh giữa các chi nhánh NII nước ngoài và NII liên doanh: ưu

thế thuộc về các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chỉ có khoảng 2 NHLD là tiếp tục giữ vững được thị phần của mình.

- Cạnh tranh giữa hoạt động NII ở VN với ngân hàng trong khu vực và thế giới.

Trong xu thế mở cửa và hội nhập, cũng như việc thực hiện các hiệp định

và thỏa thuận của VN với các nước và khu vực, lĩnh vực ngân hàng và dịch vụ tài chính ở VN cũng phải mở cửa và hội nhập. Do đó các hoạt động ngân hàng và dịch vụ tài chính trước đây VN cấm đoán hoặc hạn chế, thì tới đây theo lộ trình phải bãi bỏ, các ngân hàng nước ngoài mở rộng các hoạt động ở VN cũng như có áp lực sẽ có nhiều ngân hàng nước ngoài đến hoạt động ở VN. Đồng thời một sức ép tương tự là đòi hỏi các ngân hàng VN phải mở rộng hoạt động ra khu vực và thị trường quốc tế.

- Cạnh tranh giữa các ngân hàng với các tổ chức khác

Tình hình này cũng nằm trong xu hướng chung của thế giới, đó là sự cạnh tranh của các tổ chức khác không phải là ngân hàng thực hiện các dịch vụ ngân hàng.

Các tổ chức này ở VN trước tiên phải kể đến là công ty dịch vụ tiết kiệm bưu điện, dịch vụ chuyển tiền qua bưu điện, công ty dịch vụ kiều hối và tới đây là mạng lưới tổ chức thẻ tín dụng quốc tế.

Trước thực trạng và xu thế thách thức nói trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả cạnh tranh và hợp tác hoạt động ngân hàng ở VN.

Về quan điểm chung: Cần phải có các cơ chế chính sách tạo môi trường pháp lý chặt chẽ, rõ ràng, thông thoáng, nhất quán, phù hợp với thông lệ quốc tế, với các cam kết của VN với các nước và phù hợp với thực tiễn VN; đường lối, chủ trương của đảng, chính phủ. Môi trường pháp lý đó phải thúc đẩy sự cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, chống độc quyền, thôn tính, chèn ép hay cấu kết lại với nhau; đồng thời thúc đẩy sự hợp tác tự nguyện bình đẳng cùng có lợi. Sự cạnh tranh và hợp tác đó phải vì lợi ích chung của nền kinh tế, sự phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng, vì lợi ích của khách hàng.

Về các giải pháp cụ thể:

- Trước hết cần tạo một môi trường pháp lý chặt chẽ, rõ ràng, thông thoáng, phù hợp thông lệ quốc tế và phù hợp thực tiễn VN:

+ Nhà nước cần phải xây dựng riêng một luật về cạnh tranh, điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong nền kinh tế thị trường ở VN; trong đó có một số điều khoản đề cập riêng về hoạt động ngân hàng và dịch vụ tài chính tiền tệ.

+ Xây dựng một nghị định của chính phủ về cạnh tranh và hợp tác trong hoạt động ngân hàng. Nghị định là sự thể hiện cụ thể hóa một số điều của Luật các tổ chức tín dụng; bao gồm các "điều 16: hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng", "điều 15: quyền tự chủ kinh doanh"; "điều 11: hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng" v.v...

Trong nghị định này quy định rõ,

chi tiết về những hành vi cạnh tranh bất hợp pháp, những hành vi hợp tác bất hợp pháp. Ngay trong nội dung điều 16 nói trên cũng chưa đề cập đến hợp tác bất hợp pháp. Do đó, nghị định cần có quy định cụ thể hơn, hoặc nếu không thì đề nghị bổ sung sửa đổi trong Luật các TCTD về hợp tác bất hợp pháp.

+ Ngân hàng nhà nước nên thành lập một ban nghiên cứu về chiến lược cạnh tranh và hợp tác hoạt động ngân hàng ở VN, với thành phần là các chuyên gia đại diện của các đơn vị có liên quan của NHNN và một số NHTM. Ban này cũng đồng thời làm nhiệm vụ xây dựng dự thảo nghị định về cạnh tranh và hợp tác hoạt động ngân hàng.

+ Hiện nay một loạt nghị định, quy chế, thể lệ... triển khai hai luật ngân hàng đã và đang được ban hành. Trong các văn bản dưới luật đó, có nhiều nội dung quy định liên quan trực tiếp đến hợp tác và cạnh tranh. Do đó, các qui định cần giảm sự can thiệp, giảm trách nhiệm của NHNN, tạo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các TCTD nhất là các qui định về phí, lãi suất, quyền hạn... các qui định chỉ nên mang tính chất khung, sườn.

- Cơ chế chính sách hiện nay:

+ Chính sách thuế và cơ chế tài chính:

Nghị định 59/CP và sau đó là Nghị định 27/CP quy định về quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước đã quy định việc phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước và Nghị định 166/CP áp dụng đối với các TCTD như sau:

1. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: 32% lợi nhuận.

2. Số tiền còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối tiếp theo trật tự sau: trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ: 5%; bù lỗ các năm trước đối với các khoản lỗ không được trừ vào lợi nhuận trước thuế; nộp tiền sử dụng vốn ngân sách nhà nước: 6%/năm trên số tiền vốn ngân sách; trừ các khoản tiền phạt vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp.

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trên đây, lại được phân phối tiếp cho các quỹ: trích 10% lập quỹ dự phòng tài chính; trích 50% lập quỹ đầu tư phát triển; trích 5% lập quỹ dự phòng mất việc làm; số còn lại trích lập 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi. Với quy định thu phí sử dụng vốn như vậy, chúng tôi thấy nổi lên những vấn đề còn chưa hợp lý như sau:

a. Phải chăng có hiện tượng thuế chồng lên thuế, bởi vì sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp thêm thu sử dụng vốn.

b. Nếu phần lợi nhuận sau thuế chỉ còn đủ để nộp thuế sử dụng vốn thì mặc dù doanh nghiệp có lãi, song vẫn chẳng được lợi gì và người lao động cũng vậy. Chính sách thuế như vậy đã không kết

hợp được 3 lợi ích nhà nước - doanh nghiệp - người lao động. Như vậy chắc chắn sẽ không khuyến khích việc sử dụng vốn với hiệu quả cao.

c. Mức thu sử dụng vốn là 6%/năm trên số vốn ngân sách cấp là quá cao trong tình hình kinh doanh khó khăn hiện nay. Với mức lãi suất cho vay bình quân chỉ đạt 8%/năm nếu nộp thuế sử dụng vốn là 6%, chênh lệch chỉ còn 2%/năm (đó là chưa kể phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp) thì làm sao đủ bù đắp chi phí hoạt động tín dụng.

d. Với lãi suất huy động vốn hiện nay chỉ khoảng 5 - 6%/năm, mà mức thu sử dụng vốn 6% quá là không tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng quốc doanh phát huy vai trò chủ đạo và chủ lực trên thị trường tiền tệ như luật các TCTD quy định.

e. Điều 87 Luật các TCTD quy định, các TCTD phải trích từ lợi nhuận sau thuế để trích lập và duy trì các quỹ: quỹ dự bổ sung vốn điều lệ được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế; các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy trong trường hợp số lợi nhuận sau thuế chỉ đủ, hoặc không đủ nộp thu sử dụng vốn thì TCTD lâu lâu tiền để trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

Do đó, chính phủ cần sửa đổi các quy định nói trên, tạo điều kiện cho các TCTD nói chung, các NHTM quốc doanh nói riêng có điều kiện tích lũy và nâng cao năng lực tài chính. Mức điều chỉnh cụ thể cần được tham khảo ý kiến của tất cả các TCTD, trên cơ sở đó tính toán và đưa một mức cụ thể, hợp lý.

Sửa đổi một số quy định về không chế đối với các ngân hàng nước ngoài:

Bởi vì theo đánh giá, những quy định không chế, hạn chế hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh là qui định hạn chế cạnh tranh bình đẳng của khối ngân hàng này. Theo quyết định số 424/1999/QĐ NHNN 5, ngày 30.11.1999 của Thống đốc NHNN, thì các ngân hàng liên doanh không bị hạn chế nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn bằng đồng VN của các cá nhân và pháp nhân là tổ chức VN không có quan hệ tín dụng với khối ngân hàng này. Còn các chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì mức không chế đối tượng khách hàng này tối đa là 25% vốn của ngân hàng nguyên xứ cấp cho ngân hàng đó. Như vậy, khối ngân hàng này không thể duy trì và đáp ứng được nhu cầu vay vốn bằng nội tệ đối với khách hàng lớn, họ sẽ mất dần khách hàng kèm theo các dịch vụ khác. Bên cạnh đó còn một loạt hạn chế về nhận tài sản bảo đảm tiền vay, đại hội cổ đông và chuyển nhượng cổ phần, việc NHNN chuẩn y quyết định bổ nhiệm tổng giám đốc ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài v.v... ■